

Nghiên cứu tác động của thông tin kế toán đến giá cổ phiếu của các công ty phi tài chính niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006- 2013

NCS. NGUYỄN THỊ KHÁNH PHƯƠNG

Học viện Ngân hàng

Ở các nước phát triển, nhiều nghiên cứu đã tiến hành nghiên cứu mối quan hệ giữa thông tin kế toán và giá cổ phiếu. Ví dụ như tập trung vào thị trường Mỹ có nghiên cứu của Collins và cộng sự (1997), Francis và Shipper (1999); tập trung vào thị trường chứng khoán toàn cầu có nghiên cứu của Alford và cộng sự (1993), Harris và cộng sự (1994), Graham và King (2000). Ở Việt Nam, nhiều bài báo, công trình nghiên cứu khoa học phân tích các nhân tố tác động đến giá cổ phiếu nhưng hầu như mới chỉ dừng lại ở mặt lý luận và chưa tiến hành nghiên cứu thực nghiệm. Do đó, bài viết này thực hiện nghiên cứu thực nghiệm mối quan hệ giữa thông tin kế toán và giá cổ phiếu của các công ty phi tài chính niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) giai đoạn 2006-2013, từ đó cung cấp thông tin hữu ích cho các nhà phân tích tài chính, các nhà đầu tư trong việc đưa ra các quyết định kinh tế của mình.

Từ khóa: *Thông tin kế toán, giá cổ phiếu, công ty phi tài chính*

1. Tổng quan nghiên cứu mối quan hệ giữa thông tin kế toán và giá cổ phiếu

Hiện nay, các nhà quản trị thường dựa vào thông tin kế toán để đo lường kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và các nhà đầu tư cũng

dựa vào các thông tin kế toán được các công ty công bố để ra quyết định về đầu tư cổ phiếu. Vì vậy, mối quan hệ giữa thông tin kế toán và giá cổ phiếu là một vấn đề cần được nghiên cứu.

Không giống như các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào thông tin lợi nhuận kế toán, các nghiên cứu vài năm gần đây không những chủ yếu tập trung vào thông tin lợi nhuận kế toán mà còn phụ thuộc vào giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu, cổ tức, tỷ lệ chi trả cổ tức, tỷ lệ nợ, đòn bẩy tài chính, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh... Giá cổ phiếu của các công ty niêm yết được coi như là một biến phụ thuộc; giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu, cổ tức, đòn bẩy tài chính, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh được coi là các biến độc lập. Khi đó, giá cổ phiếu được giải thích bởi các biến độc lập trên.

Zahir và Khanna (1982) đã nghiên cứu các yếu tố quyết định giá cổ phiếu của Ấn Độ



tại 101 công ty từ năm 1976-1977 và 1977- 1978 với công cụ sử dụng trong nghiên cứu là mô hình hồi quy tuyến tính và đã khẳng định rằng cổ tức trên mỗi cổ phiếu là yếu tố quyết định quan trọng đến giá cổ phiếu. Ngoài ra, Balkrishan (1984) đã phân tích mối tương quan giữa biến phụ thuộc là giá cổ phiếu và các biến giải thích, cụ thể là cổ tức trên mỗi cổ phiếu, thu nhập trên mỗi cổ phiếu, giá trị thị trường của cổ phiếu. Mô hình hồi quy tuyến tính đã được sử dụng để nghiên cứu mối tương quan giữa giá cổ phiếu và các biến kế toán trong ngành dệt may nói chung và đã nhận thấy cổ tức trên mỗi cổ phiếu là yếu tố quyết định quan trọng nhất của giá thị trường của cổ phiếu ngành công nghiệp.

Tiếp nối các nghiên cứu trước đó, Kumar và Hundal (1986) đã kiểm tra tác động của cổ tức trên mỗi cổ phiếu, thu nhập trên mỗi cổ phiếu, doanh thu ròng trên mỗi cổ phiếu bằng cách sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính. Phân tích cho thấy, giá trị thị trường của cổ phiếu nhạy cảm với các chính sách cổ tức. Bernard (1995) là một trong những nhà nghiên cứu đầu tiên ước tính giá trị liên quan của cổ tức tại các thị trường phát triển sử dụng dữ liệu của Mỹ trong giai đoạn 1978- 1993. Ông kết luận rằng giá trị giải thích của cổ tức là 29% giá trị thị trường. Do đó, cổ tức có ảnh hưởng đến giá trị thị trường.

Akbar và Stark (2003b) điều tra mối quan hệ giữa dòng tiền

thuần của cổ đông, cổ phần, vốn góp và giá trị thị trường tại Anh trong giai đoạn 1990- 2001 sử dụng 4 chỉ tiêu doanh thu, số lượng cổ phiếu, giá mở cửa và giá đóng cửa. Nghiên cứu nhằm mục đích điều tra vai trò của cổ tức dự kiến trong định giá công ty. Kết quả cho thấy mối quan hệ tích cực và đáng kể giữa cổ tức (thành phần đầu tiên của dòng tiền ròng) và giá trị thị trường.

Sanjeet Sharma (2011) đã thực hiện nghiên cứu kiểm tra các mối quan hệ thực nghiệm giữa giá cổ phiếu và các biến kế toán giải thích như: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, cổ tức trên mỗi cổ phiếu, thu nhập trên mỗi cổ phiếu, tỷ suất cổ tức, cổ tức trong giai đoạn 1993- 1994 đến 2008- 2009 tại Ấn Độ. Kết quả nghiên cứu cho thấy thu nhập trên mỗi cổ phiếu, cổ tức trên mỗi cổ phiếu và giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu có ảnh hưởng lớn đến giá thị trường của cổ phiếu. Hơn thế, kết quả nghiên cứu còn chỉ ra rằng cổ tức trên mỗi cổ phiếu và thu nhập trên mỗi cổ phiếu là yếu tố quyết định mạnh nhất giá thị trường của cổ phiếu. Vì vậy, kết quả của nghiên cứu này hỗ trợ các chính sách cổ tức và tình hình chi trả cổ tức của các công ty. Chính sách này sẽ ảnh hưởng tích cực đến giá trị thị trường của cổ phiếu.

Collins, Maydew và Weiss (1997) đã nghiên cứu những thay đổi của giá trị cổ phiếu có liên quan đến thông tin lợi nhuận và giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu tại Hoa Kỳ

trong khoảng thời gian 40 năm, và kết quả nghiên cứu cho thấy sức thuyết phục của các khoản lợi nhuận đã giảm theo thời gian và đang được thay thế bởi sức thuyết phục của giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu. Bên cạnh đó, hệ số đòn bẩy tài chính (FL) cũng là chỉ tiêu đáng quan tâm khi đánh giá giá trị thị trường của vốn chủ sở hữu. Nghiên cứu của Pandey (1981) và Kumar, Hundal (1986) đã kiểm tra tác động của hệ số đòn bẩy tài chính đến giá cổ phiếu trên thị trường Ấn Độ. Kết quả nghiên cứu cho thấy hệ số đòn bẩy tài chính có tác động đến giá cổ phiếu. Đòn bẩy tài chính trở thành một công cụ tài chính không thể thiếu đối với doanh nghiệp và bản thân nhà đầu tư. Đòn bẩy tài chính kích thích thanh khoản, đẩy nhanh sự linh hoạt của dòng tiền và tác động trực tiếp đến giá cổ phiếu.

Mossman và các cộng sự (1998) đề xuất rằng dòng tiền có thể cung cấp dấu hiệu sớm về những vấn đề tài chính tiềm tàng của công ty. Ingram và Lee (1997) chỉ ra rằng cả dòng tiền và lợi nhuận đều rất hữu ích trong việc đánh giá sức tăng trưởng và sự tồn tại của doanh nghiệp. Bartov, Goldberg và Kim (2001) đã nghiên cứu tính liên quan và nội dung thông tin của lợi nhuận và dòng tiền trong việc đánh giá cổ phiếu và giá trị công ty ở Mỹ, Anh, Canada, Đức và Nhật Bản. Kết quả nghiên cứu cho thấy lợi nhuận kế toán quan trọng hơn dòng tiền ở Mỹ, Anh và Canada nhưng điều này hoàn toàn ngược lại ở Đức và

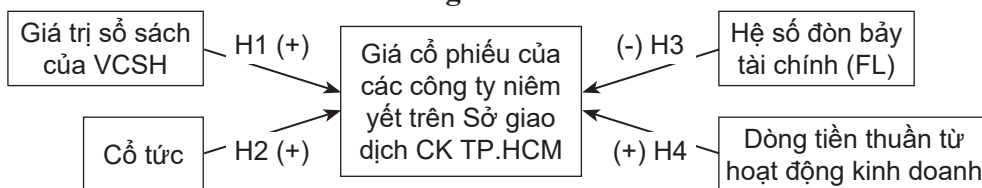


Bảng 1. Mô tả quan hệ các biến trong mô hình

Biến	Giải thích các biến số	Quan hệ với biến phụ thuộc (lý thuyết)
MPS	Biến phụ thuộc, biểu giá trị thị trường của mỗi cổ phần.	
BVS	Biến độc lập, biểu giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu trên mỗi cổ phần.	Quan hệ cùng chiều (+)
DPS	Biến độc lập, biểu thị cổ tức trên mỗi cổ phiếu.	Quan hệ cùng chiều (+)
FL	Biến độc lập, biểu thị hệ số đòn bẩy tài chính.	Quan hệ cùng chiều (-)
CFO	Biến độc lập, biểu thị dòng tiền thuần từ HĐKD.	Quan hệ cùng chiều (+)

Nguồn: Tác giả xây dựng

Sơ đồ 1. Mô hình ước tính giá trị thị trường của cổ phiếu dựa trên thông tin kế toán



Minh.

H4: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh có tác động cùng chiều tới giá cổ phiếu của các công ty phi tài chính niêm yết trên

Nhật Bản. Những người đưa ra các quyết định kinh tế rất quan tâm đến lưu chuyển tiền của một công ty bởi họ cho rằng dòng tiền hiện tại có thể ảnh hưởng tới lưu chuyển tiền trong tương lai (Neill và các cộng sự, 1991) và thông tin về dòng tiền có thể giúp họ đánh giá chính xác hơn về dòng tiền trong tương lai của doanh nghiệp. Charitou (1997) đã nghiên cứu mối quan hệ giữa lợi nhuận, dòng tiền và giá cổ phiếu của các công ty niêm yết tại Anh. Kết quả cho thấy thông tin về dòng tiền có tầm quan trọng hơn lợi nhuận. Charitou và cộng sự (2000) sử dụng dữ liệu của 529 công ty từ năm 1990- 1994 trên thị trường chứng khoán Nhật, bằng phương pháp hồi quy tuyến tính đã cho kết quả là thu nhập và dòng tiền có liên quan đến lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu. Đồng thời, nghiên cứu còn chỉ ra rằng, thu nhập và dòng tiền rất hữu ích trong việc dự đoán lợi nhuận trong tương lai.

2. Nghiên cứu thực nghiệm mối quan hệ giữa thông tin kế toán và giá cổ phiếu của các công ty phi tài chính niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

2.1. Giả thiết nghiên cứu và mô hình

Qua việc tổng quan các tài liệu nghiên cứu ở trên cho thấy, giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu, cổ tức, đòn bẩy tài chính và dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh có tác động đến giá cổ phiếu. Tác giả đưa ra các giả thuyết nghiên cứu sau:

H1: Giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu có tác động cùng chiều tới giá cổ phiếu của các công ty phi tài chính niêm yết trên HOSE.

H2: Cổ tức có tác động cùng chiều tới giá cổ phiếu của các công ty phi tài chính niêm yết trên HOSE.

H3: Đòn bẩy tài chính có tác động ngược chiều tới giá cổ phiếu của các công ty phi tài chính niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí

HOSE.

Mối quan hệ giữa giá cổ phiếu và các thông tin kế toán đã được các học giả kế toán trên thế giới nghiên cứu đưa ra các kết luận khác nhau nhưng nhìn chung, luôn tồn tại mối tương quan giữa thông tin kế toán với giá cổ phiếu. Vì vậy, có thể chọn các biến số phản ánh các yếu tố này trong quan hệ với giá cổ phiếu như sau:

Mô hình lý thuyết: MPS = f (BVS, DPS, FL, CFO)

Trong đó:

MPS là: giá trị thị trường của mỗi cổ phiếu

BVS: là giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu

DPS: là cổ tức trên mỗi cổ phiếu

FL: là hệ số đòn bẩy tài chính

CFO: là dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh

Mô hình hồi quy nghiên cứu mối quan hệ của giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu, cổ tức, hệ số đòn bẩy tài chính, dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh



tới giá cổ phiếu: $MPS_{it} = a_0 + a_1 BVS_{it} + a_2 DPS_{it} + a_3 FL_{it} + a_4 CFO_{it} + e_{it}$

Trong đó:

MPS_{it} là giá trị cổ phiếu đã điều chỉnh của công ty I của năm tài chính t.

BVS_{it} là giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu trên mỗi cổ phần của công ty I tại ngày kết thúc năm tài chính t, được tính bởi công thức lấy vốn chủ sở hữu chia cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của công ty tại ngày kết thúc năm tài chính t.

DPS_{it} là cổ tức trên mỗi cổ phiếu của công ty I trong năm t, được tính bằng công thức: $DPS = \text{Tổng số tiền chi trả cổ tức cho cổ đông} / \text{số lượng cổ phiếu thường}$

FL_{it} là hệ số đòn bẩy tài chính của công ty I trong năm t, được tính bằng công thức: $FL = 1 + (\text{Tổng nợ} / \text{Vốn chủ sở hữu})$

CFO_{it} là dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của công ty I trong năm t.

e là một sai số ngẫu nhiên với phương sai liên tục và có giá trị bằng không.

2.2. Thu thập dữ liệu

Tác giả thu thập báo cáo tài chính của các công ty phi tài chính niêm yết trên HOSE giai đoạn 2006- 2013. Những công ty tài chính, hoặc những công ty niêm yết ngoài giai

đoạn 2006- 2013, và niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc sàn OTC đều không được xét đến trong nghiên cứu này. Tác giả truy cập vào trang web: www.vndirect.com.vn để thu thập giá trị thị trường của cổ phiếu (MPS) vào thời điểm 31/12 hàng năm tài chính từ 2006- 2013. Tiếp theo truy cập vào trang <http://ezsearch.fpts.com.vn/> đánh mã chứng khoán của từng công ty, đọc kết quả ở phần phân tích tài chính hoặc nội dung trên các báo cáo tài chính để dàng tìm được chỉ tiêu giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu, cổ tức, đòn bẩy tài chính và dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của từng công ty phi tài chính niêm yết giai đoạn 2006- 2013.

2.3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả hồi quy cho thấy 4 biến độc lập đưa vào mô hình là BVS, DPS, FL và CFO đều giải thích được sự biến động của giá trị thị trường của cổ phiếu của các công ty phi tài chính niêm yết trên HOSE giai đoạn 8 năm từ 2006- 2013 (Bảng 2).

- Tác động của chỉ tiêu giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu trên mỗi cổ phiếu (BVS) cho thấy: Tác động của BVS đối với MPS ở nghiên cứu này là 0,229. Chứng tỏ BVS cũng

có tác động dương, hay tác động cùng chiều với MPS, có nghĩa là khi giá trị BVS biến động tăng 100 đồng thì giá trị thị trường của cổ phiếu biến động tăng 22,9 đồng. Kết quả phân tích thực nghiệm hoàn toàn đúng với lý thuyết đã trình bày ở các phần trên và đúng theo nghiên cứu của các nước. Theo kết quả nghiên cứu của Malcolm Smith về thị trường chứng khoán ở Malaysia trong giai đoạn từ năm 1987 đến 1996 thì chỉ tiêu BVS cũng tác động đến chỉ tiêu MPS là 0,423, cũng với ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Qua đó, nghiên cứu này là hoàn toàn phù hợp với lý thuyết nghiên cứu và đúng với nghiên cứu của các nước khác. Vậy kết luận rằng, chỉ tiêu BVS có tác động cùng chiều với chỉ tiêu MPS. Khi BVS tăng lên thì kéo theo MPS cũng tăng lên. Nhưng ở Việt Nam, do xu hướng của các nhà đầu tư chưa quan tâm nhiều đến thông tin vốn chủ sở hữu nên tác động này chưa cao như các nước khác.

- Tác động của chỉ tiêu đòn bẩy tài chính (FL) cho thấy: Tác động của FL đối với MPS ở nghiên cứu này là -0,059. Chứng tỏ FL có tác động âm, hay tác động ngược chiều với MPS, cụ thể khi giá trị FL biến động tăng 100 đồng thì giá trị thị trường của cổ phiếu biến động giảm 5,9 đồng. Kết quả phân tích thực nghiệm hoàn toàn đúng với lý thuyết đã trình bày ở các phần trên. Vậy kết luận rằng, chỉ tiêu FL có tác động ngược chiều với chỉ tiêu

Bảng 2. Kết quả mô hình hồi quy nghiên cứu mối quan hệ của BVS, DPS, FL và CFO đến MPS của các công ty phi tài chính niêm yết trên HOSE giai đoạn 2006- 2013

Năm	BVS	FL	CFO	DPS	Hệ số hồi quy điều chỉnh R ²
2006-2013	0,229	- 0,059	0,144	0,117	0,102

Ý nghĩa thống kê tại mức 1% (p < 0,01)



MPS.

- *Tác động của chỉ tiêu dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (CFO) cho thấy:* tác động của CFO đến MPS ở nghiên cứu này là 0,144. Chứng tỏ CFO có tác động dương, hay tác động cùng chiều với MPS, cụ thể khi CFO biến động tăng 100 đồng thì giá trị thị trường của cổ phiếu biến động tăng 14,4 đồng. Kết quả phân tích thực nghiệm hoàn toàn đúng với lý thuyết đã trình bày. Khi CFO tăng lên thì MPS cũng tăng lên.

- *Tác động của chỉ tiêu cổ tức trên mỗi cổ phiếu (DPS) cho thấy:* Tác động của DPS đến MPS ở nghiên cứu này là 0,117. Chứng tỏ DPS có tác động dương, hay tác động cùng chiều với MPS, cụ thể khi DPS biến động tăng 100 đồng thì giá trị thị trường của cổ phiếu biến động tăng 11,7 đồng. Kết quả phân tích thực nghiệm hoàn

toàn đúng với lý thuyết đã trình bày.

- *Giá trị F* trong mô hình hồi quy đa tuyến tính cho thấy kết quả phân tích là hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu. Ở mức ý nghĩa thống kê 1% cho kết quả giá trị F là 33.638.

- *Hệ số hồi quy R² điều chỉnh* có kết quả là 0,102 có nghĩa là bốn thông tin BVS, FL, DPS và CFO giải thích được 10,2% sự biến động của giá trị cổ phiếu (MPS) của các công ty phi tài chính niêm yết trên HOSE.

3. Kết luận

Có thể khái quát mối quan hệ giữa giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, cổ tức trên mỗi cổ phiếu, đòn bẩy tài chính và dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh với giá trị cổ phiếu của các công ty phi tài chính niêm yết trên HOSE như sau:

$$\text{MPS} = 11492,097 + 0,229 \text{ BVS} - 0,059 \text{ FL} + 0,144 \text{ CFO} + 0,117 \text{ DPS} + e_{it}$$

Kết quả nghiên cứu cho thấy, thông tin giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu trên mỗi cổ phiếu, dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và cổ tức trên mỗi cổ phiếu đều có quan hệ cùng chiều hay tác động dương đến giá trị thị trường của cổ phiếu (MPS). Hệ số đòn bẩy tài chính có quan hệ ngược chiều hay tác động âm đến giá trị thị trường của cổ phiếu. Điều này hoàn toàn phù hợp với giả thuyết nghiên cứu và mô hình lý thuyết. Kết quả thực nghiệm cho thấy giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu trên mỗi cổ phiếu có sức mạnh giải thích về giá trị thị trường của mỗi cổ phiếu cao hơn chỉ tiêu dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và cổ tức trên mỗi cổ phiếu. Như vậy, khi quyết định đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp, các nhà đầu tư không cần thiết phải xem xét hết tất cả thông tin kế toán, chỉ số tài chính liên

SUMMARY

Study impact of accounting information to the stock price of non-financial companies listed in Ho Chi Minh stock exchange period 2006- 2013

In developed countries, many researchers have studied the relationship between accounting information and stock price. For example, focus on the US market research by Collins et al (1997), Francis and Shipper (1999); focus on global stock markets have research Alford et al (1993), Harris and colleagues (1994), Graham and King (2000). In Vietnam, many articles, scientific studies analyzing the factors affecting the stock price, but almost just stopped in theoretical and not conducting empirical research. Therefore, this article done empirical relationship between accounting information and stock prices of non-financial companies listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange period 2006- 2013, which provides useful information for financial analysts and investors in making their own economic decisions.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Nguyễn Thị Khánh Phương, Thạc sỹ

Đơn vị công tác: Khoa Kế toán Kiểm toán, Học viện Ngân hàng

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kế toán Kiểm toán

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Kinh tế Phát triển, Tạp chí Kế toán Kiểm toán, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Kiểm toán

Email: phuongntk029@gmail.com



quan đến doanh nghiệp mà chỉ cần lựa chọn các thông tin kế toán có mối quan hệ chặt chẽ với biến động của giá chứng khoán. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Akbar, S., & Stark, A. (2003b), *Deflators, net shareholder cash flows, dividends, capital contributions and estimated model of corporate valuation*, *Journal of Business Finance and Accounting*, 30, 1211-1233.

2. Bernard (1995), "The Feltham-ohlson framework: Implications for empiricists", *Contemporary Accounting Research* 11 (Spring), 733-747.

3. Francis, J., and K. Schipper

(1999), "Have Financial Statements Lost Their Relevance", *Journal of accounting research*, Autumn, 319-351.

4. Graham, R.C. and R.D. King (2000), "Accounting Practices and the Market Valuation of Accounting Numbers: Evidence from Indonesia, Korea, Malaysia, the Philippines, Taiwan and Thailand", *The International Journal of Accounting*, Vol. 35, No. 4, pp. 445-470.

5. Green, I. P., Stark, A. W., & Thomas, H. M. (1996), "U.K. evidence on the market valuation of research and development expenditures", *Journal of Business Finance and Accounting*, 23, 191 - 216.

6. Malhotra, V.J. (1987),

"Determinants of Equity prices in India", *PhD thesis, Himachal University, Shimla.*

7. Miller, M. and F. Modigliani (1961), "Dividend Policy, Growth and the Valuation of Shares", *Journal of Business*, October, 34, pp. 411-433.

8. Penman & Sougiannis (1998), "A comparison of dividend, cash flow, and earnings approaches to equity valuation". *Contemporary Accounting Research* 15 (Fall), 343-383

9. Sanjeet Sharma (2011), "Determinants of equity share prices in India", *International Redeed Journal*, www.researchersworld.com, vol II, issue 4, oct, 2011.



Vui cười

Tuyệt chiêu của cô bán hàng

Thấy một ông khách sang trọng bước vào cửa hàng, cô nhân viên mời: - Đây là loại nước súc miệng hảo hạng, giá chỉ có 200 đôla một chai! Vì khách nghe liền giật mình: - Trời ơi, cô tính ăn cướp tiền của người ta chắc?

- Thế thì 100, bớt cho ông hẳn 100!

- Chẳng ai có thể mua nổi!

- Vậy để cảm ơn sự quan tâm của ông, tôi xin biếu không ông một cái bánh, mời ông ném thử.

- Trời đất ơi, bánh gì mà như hời thế này!

- Vâng! Bánh rất hời, giờ thì ông sẽ mua nước súc miệng chứ?

Mẹ chồng chưa hiểu hết con dâu

- Con à! Chẳng gì chồng con cũng có 3 bằng kỹ sư, một bằng sáng chế. Vậy mà con lại bắt nhà trí thức đi chợ và thổi cơm là sao?

- Thưa mẹ, vậy là mẹ chưa hiểu gì về con.

- Sao ý con là...

- Dạ! Hiện nay con đang là cán bộ của Cục Quản lý và Sở hữu trí tuệ!

- Đạo này đi nhau không sợ vợ là sao? - Ồi trời, vợ tao sợ tao lắm.

- Vậy là mày bản lĩnh giống tao. Mày biết không, khi đi nhau về, vợ phải quỳ mới nói chuyện được với tao.

- Thế thì mày hơn đứt tao rồi. Chỉ tao cách với.

- Để ot, khi nhau về, tao chui xuống gầm giường...